

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN BÌNH GIANG
TỈNH HẢI DƯƠNG**

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 07/2023/HNGĐ-ST

Ngày 28-4- 2023

*“V/v Ly hôn, tranh chấp về
nuôi con khi ly hôn”*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN BÌNH GIANG, TỈNH HẢI DƯƠNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Văn Cường.

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Đức Đông và ông Lương Đình Liên.

- Thư ký phiên tòa: Ông Lê Văn Hiếu - Là Thư ký Tòa án nhân dân huyện Bình Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện bình Giang tham gia phiên toà: Bà Nguyễn Thu Nga - Kiểm sát viên.

Ngày 28 tháng 4 năm 2023 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Bình Giang xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự sơ thẩm thụ lý số: 29/2023/TLST-HNGĐ ngày 28 tháng 02 năm 2023 về Ly hôn, tranh chấp về nuôi con khi ly hôn, theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số 09/2023/QĐXXST-HNGĐ ngày 13 tháng 4 năm 2023, giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị L, sinh năm 1989.

Địa chỉ: Thôn Ô, xã C, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Bị đơn: Anh Phạm Đình T, sinh năm 1990.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt và có đơn đề nghị xét xử vắng mặt.

Người làm chứng: Ông Phạm Đình T1, sinh năm 1963.

Địa chỉ: Thôn Đ, xã N, huyện B, tỉnh Hải Dương.

Vắng mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện, bản tự khai, biên bản lấy lời khai, nguyên đơn là chị Nguyễn Thị L trình bày:

Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Đình T kết hôn hoàn toàn tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã N, huyện B vào năm 2019. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị về chung sống cùng bố, mẹ của anh T tại thôn Đ, xã N. Đến thời điểm năm 2022 thì vợ chồng chị phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân do tính tính vợ chồng không hợp, ngoài ra giữa chị và bố mẹ chồng còn không hợp nhau, dẫn đến việc vợ chồng thường xuyên xảy cãi nhau. Chị đã nhiều lần đề nghị anh T thuê nhà sống độc lập, nhưng anh T không nhất trí. Chị cảm thấy không thể chung sống cùng với gia đình anh T được. Mâu thuẫn trở nên căng thẳng khi chị bị Co-vid 19 vào thời điểm năm 2022, sức khỏe yếu nên nghỉ ở nhà khoảng 20 ngày thì mẹ chồng chị không thoải mái, bảo chị về nhà bố mẹ đẻ, lúc nào nào khỏe thì quay lại. Khi chị về nhà bố mẹ đẻ thì anh T không quan tâm gì đến chị, sau đó còn nói với chị rằng muốn trở lại chung sống thì phải bảo họ hàng lên xin lỗi, không thì chia tay ngay lập tức. Từ tháng 6/2022 đến nay chị về nhà bố mẹ đẻ ở thôn Ô, xã C sống và vợ chồng ly thân nhau cho đến nay. Chị xác định tình cảm vợ chồng không còn, yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị được ly hôn với anh T.

Về con chung: Vợ chồng chị có 01 con chung là Phạm Đình Hải P, sinh ngày 22/7/2020 hiện đang ở cùng anh T. Chị đề nghị giao con cho anh T nuôi dưỡng, vì hiện tại chị không có công ăn việc làm.

Về tài sản chung: Chị L không yêu cầu giải quyết.

Bị đơn là anh Phạm Đình T có lời khai trình bày:

Về yêu cầu ly hôn của chị L: Anh xác định việc anh Kết hôn với chị L như chị L trình bày nêu trên là đúng. Anh xác định anh và chị L không có mâu thuẫn gì, gia đình anh đối xử tốt với chị L, nhưng không hiểu tại sao chị L tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ và vợ chồng đã sống ly thân nhau từ tháng 7/2022 cho đến nay và không quan tâm gì đến nhau nữa. Anh cho rằng, chị L tự ý bỏ về nhà bố mẹ đẻ, tự ý bỏ anh đi nên nay chị L muốn làm gì thì làm, anh không còn quan tâm. Chị L xin ly hôn, anh xác định tình cảm vợ chồng không còn, nhất trí ly hôn. Anh xin vắng mặt tại tòa án tại tất cả các buổi làm việc, phiên hòa giải, phiên tòa.

Về con chung: Anh T và chị L có một con chung là Phạm Đình Hải P, đang sống cùng anh. Anh cho rằng, từ khi chị L bỏ đi, không quan tâm gì đến con chung, nên anh đề nghị được nuôi dưỡng con chung (đang ở với anh) và tự nguyện không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung hàng tháng.

Về tài sản chung: Anh T không yêu cầu giải quyết.

Tòa án xác minh tại địa phương thôn Đ, xã N: Cơ sở thôn không nắm bắt cụ thể nguyên nhân mâu thuẫn, chỉ biết chị L và anh T đã sống ly thân từ khoảng tháng 7/2022 cho đến nay. Anh chị có 01 con chung, đang ở với anh T.

Người làm chứng là ông Phạm Đình T1, là bố đẻ anh T trình bày về tình trạng quan hệ vợ chồng chị L, anh T thống nhất với nội dung anh T đã trình bày như nêu trên. Ông T1 cho biết, anh T là công nhân ở khu công nghiệp T, huyện C có điều kiện về thu nhập, nơi ăn, chốn ở đảm bảo việc nuôi dưỡng con chung của anh chị trong trường hợp anh được nuôi con.

Tại phiên tòa, Kiểm sát viên phát biểu quan điểm:

Về việc chấp hành pháp luật tố tụng: Thẩm phán, Thư ký Tòa án đã tuân thủ quy định của pháp luật trong thụ lý vụ án, xây dựng hồ sơ, đưa vụ án ra xét xử và các hoạt động tố tụng khác. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử tuân thủ đúng quy định của pháp luật trong điều hành phiên tòa; nguyên đơn, bị đơn chấp hành đúng quy định của pháp luật.

Về giải quyết vụ án: Đề nghị HĐXX:

Áp dụng khoản 1 Điều 51, khoản 1 Điều 56, Điều 58, 81, 82, 83 của Luật hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 BLTTDS; Điều 27 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn, xử cho chị L ly hôn với anh T.

Về con chung: Giao anh T trực tiếp nuôi dưỡng cháu Phạm Đình Hải P, sinh ngày 22/7/2020. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị L phải cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Không ai được cản trở chị L thực hiện quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung.

Về án phí: Chị L chịu án phí Dân sự sơ thẩm (ly hôn) theo quy định.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Nguyên đơn, bị đơn vắng mặt và đều có đơn đề nghị xét xử vắng mặt; Hội đồng xét xử căn cứ vào quy định tại khoản 1 Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự tiến hành xét xử vụ án vắng mặt nguyên, bị đơn.

[2] Lời khai của chị Nguyễn Thị L cơ bản phù hợp với lời khai của anh T, của người làm chứng và kết quả xác minh thu thập chứng cứ tại địa phương và tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án và được kiểm tra tại phiên tòa nên có đủ cơ sở kết luận: Chị Nguyễn Thị L và anh Phạm Đình T kết hôn trên cơ sở tự nguyện và có đăng ký kết hôn theo quy định, nên quan hệ hôn nhân của anh chị là hợp pháp. Trong cuộc sống chung vợ chồng chị L đã nảy sinh mâu thuẫn do tính tính không hợp nhau, ngoài ra không xử lý được hài hòa quan hệ giữa chị L và bố mẹ chồng. Từ tháng 7/2022 đến nay vợ chồng chị L sống ly thân, không quan tâm gì đến nhau nữa và đều xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị L yêu cầu ly hôn, anh T hoàn toàn nhất trí.

Như vậy, tình trạng mâu thuẫn vợ chồng chị L đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được, nên cần xử cho chị L được ly hôn anh T theo quy định tại Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình.

[3] Chị L và anh T có 01 con chung là Phạm Đình Hải P, sinh ngày 22/7/2020, đang ở với anh T. Vì lý do chưa có công ăn, việc làm ổn định, chị đề nghị anh T trực tiếp nuôi dưỡng con chung. Anh T cũng nhất trí nuôi dưỡng con chung và tự nguyện không yêu cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con. Mặt khác, anh T có công ăn việc làm ổn định, thu nhập đảm bảo việc nuôi con, có chỗ ở cùng bố mẹ đẻ. Như vậy, cần giao con chung cho anh T trực tiếp nuôi dưỡng để đảm bảo con chung được nuôi dưỡng tốt nhất. Cần chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu

cầu chị L cấp dưỡng tiền nuôi con chung. Chị Lụa có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

[4] **Về tài sản chung:** Do các đương sự không yêu cầu nên Tòa án không xem xét giải quyết .

[5]. **Về án phí:** Chị Lụa là nguyên đơn, phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân và gia đình; khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; Nghị quyết 326/2016/QH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho chị Nguyễn Thị L ly hôn anh Phạm Đình T.

2. Về con chung: Giao cho anh Phạm Đình T trực tiếp nuôi con chung là Phạm Đình Hải P, sinh ngày 22/7/2020, đến khi con đủ 18 tuổi. Chấp nhận sự tự nguyện của anh T không yêu cầu chị L cấp dưỡng nuôi con chung.

Chị L có quyền, nghĩa vụ thăm nom con chung, không ai được ngăn cản.

3. Về án phí: Chị Nguyễn Thị L phải chịu 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, được trừ vào 300.000 đồng tiền tạm ứng án phí đã nộp tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Bình Giang, theo biên lai thu tiền tạm ứng án phí số AA/2021/0002295 ngày 28/02/2023. Chị L đã nộp đủ án phí.

4. Về quyền kháng cáo: Chị L và anh T có quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày được thông đạt bản án.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Bình Giang;
- Chi cục THADS huyện Bình Giang;
- UBND xã Nhân Quyền;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TOÀ**

Nguyễn Văn Cường